TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẮK SONG** **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **19**/2017/DS-ST
Ngày 26-9-2017
"V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản và tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK SONG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Xuân Triệu.
Các Hội nhân dân:
1. Ông Hoàng Minh Hải;
2. Hứa Thị Nhị.

T ký phiên toà: Ông Nguyễn Bá Luân – Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Đắk Song.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song tham gia phiên toà:
Ông Nguyễn Cảnh Dương – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đắk Song xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 276/2016/TLST-DS, ngày 19/10/2016 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2017/QĐST-DS ngày 21 tháng 8 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2017QĐST-DS ngày 08 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1968.
Địa chỉ: Thôn 1, xã T, huyện Đ, tỉnh Đ.
Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T1 – theo văn bản ủy quyền ngày 27/5/2016. Có mặt.
Địa chỉ: 191 đường 23/3, tổ dân phố 2, pH N, thị xã G, tỉnh Đ.
Bị đơn: Anh Nguyễn Đức T– vắng mặt lần thứ 2 tại phiên tòa không có ý do.
Địa chỉ: Bon T, xã T, huyện Đ, tỉnh Đ.
Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:
+ Bà Nguyễn Thị Lệ T. Có đơn giải quyết vắng mặt.
Địa chỉ: Thôn 1, xã T, huyện Đ, tỉnh Đ.
+ Chị Phu Thị H– Vắng mặt lần 2 không có lý do.
Địa chỉ: Bon T, xã T, huyện Đ, tỉnh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các văn bản khác trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ngày 20/11/2011 anh T có vay của ông T số tiền gốc là 57.300.000đ. Ngoài ra từ ngày 20/12/2011 đến ngày 11/10/2012 anh T có mua phân bón và thuốc bảo vệ thực vật của ông T làm nhiều đợt tổng số tiền 53.636.000đ. Tổng số tiền vay và tiền phân bón nợ là 110.936.000đ. Khi vay tiền và mua bán phân bón anh T đều ký vào xấy xác nhận nợ. Anh T có trả cho ông T, bà T được một số tiền và hai bên xác nhận nợ lại số tiền gốc là 71.000.000đ. Ngoài ra anh T còn vay của ông T, bà T 450 kg cà phê nhân xô. Đến thời hạn trả nợ ông T, bà T đến đòi nhiều lần nhưng anh T, chị H cố tình không trả. Nay ông T, bà T đề nghị Tòa án buộc anh T, chị H trả số tiền nợ gốc 71.000.000đ và 450kg cà phê nhân xô do vi phạm nghĩa vụ trong hợp đồng mua bán tài sản và vay tài sản. Đây là tài sản chung của vợ chồng ông T, bà T không liên quan đến các con của ông T, bà T nên đề nghị Tòa án không đưa các con của ông T, bà T vào tham gia tố tụng.

Bị đơn trình bày: Anh T thừa nhận có mua bán phân bón của ông T, bà T làm nhiều đợt từ năm 2011 đến năm 2012 hình thức mua bán là lấy hàng trước trả tiền sau. Ngoài ra anh T có vay 450 cà phê nhân xô của ông T, bà T. Khi mua bán và vay cà phê của ông T thì anh T có ký vào giấy xác nhận nợ và thừa nhận còn nợ ông T, bà T số tiền 71.660.000đ và 450 kg cà phê nhân xô. Việc mua bán phân bón và vay cà phê anh T mục đích đầu tư cho gia đình nên có liên quan đến vợ anh là chị Phu Thị H. Do điều kiện khó khăn nên anh T xin ông T bớt cho cho số tiền 71.000.000đ xuống còn 36.000.000đ. Anh T xin trả nợ như sau: Đợt 01 trả 36.000.000đ vào ngày 30/12/2017; đợt 02 trả 450 cà phê nhân xô vào ngày 301/12/2018.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Lệ T trình bày: Anh T có vay tiền, vay cà phê và mua bán phân bón của đại lý vợ chồng bà T. Do bận công việc gia đình nên bà T có đơn xin giải quyết vắng mặt trong các phiên họp chứng cứ, hòa giải, đối chất và vắng mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Phu Thị H trình bày:

Chị Phu Thị H đồng ý lời khai của anh Nguyễn Đức T nên không khai gì thêm. Do ông T bán phân bón kém chất lượng nên chị không đồng ý trả nợ cho ông T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự và về nội dung vụ án phát biểu như sau:

Qua nghiên cứu đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; T ký Tòa án và những người tham gia tố tụng thì thấy: Thẩm phán, Hội đồng xét xử; T ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật và việc thụ lý giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng trong vụ án: Nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chấp hành chưa tốt. Về nội dung vụ án: Qua các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh luận tại phiên tòa đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết tranh chấp: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì đây là "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" và "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của BLTTDS. Bị đơn có nơi cư trú tại bon T, xã T, huyện Đ, tỉnh Đ. Vì vậy, tranh chấp này thuộc thẩm quyền của Toà án nhân dân huyện Đắk Song theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[1.2] Việc chấp hành pháp luật của đương sự: Quá trình giải quyết vụ án Toà án đã tống đạt hợp lệ đúng theo quy định tại Điều 173 Bộ luật Tố tụng dân sự để thông báo thụ lý vụ án, triệu tập đương sự và các văn bản tố tụng khác cho dương sự. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chấp hành tốt. Bị đơn chấp hành chưa tốt cụ thể vắng mặt trong hai phiên đối chất lần 1, lần 2 và phiên tòa lần 1 và lần 2 không có lý do. Như vậy, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Phu Thị H tự ý từ bỏ quyền được tham gia tố tụng, quyền tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình quy định tại Điều 6, Điều 72 của BLTTDS.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Xét hợp đồng mua bán tài sản và vay tài sản giữa ông T và anh T là có thật thể hiện qua giấy xác nhận nợ số tiền 57.300.000đ vào ngày 20/11/2011 và giấy nợ tiền mua bán phân bón nợ số tiền 53.636.000đ và nợ 450 kg cà phê nhân xô, anh T cũng thừa nhận việc vay tiền, mua bán phân bón đó và có ký vào giấy nhận nợ. Từ đó đến nay anh T đã trả cho ông T làm nhiều lần còn nợ lại số tiền 71.660.000đ và 450kg cà phê nhân xô, anh T cũng thừa nhận nợ ông T số tiền 71.000.000đ và 450 kg cà phê nhân xô, theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của BLTTDS thì *"...2. Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh."* Vì vậy, HĐXX có căn cứ để xác định anh T còn nợ ông T, bà T số tiền 71.660.000đ và 450 kg cà phê nhân xô.

[2.2] Xét yêu cầu của ông T, bà T yêu cầu anh T, chị H trả số tiền gốc còn nợ là 71.660.000đ và 450 kg cà phê nhân xô, HĐXX thấy rằng anh T là bên vay trong hợp đồng vay tài sản và bên mua đối với hợp đồng mua bán tài sản nên quyền và nghĩa vụ được xác lập theo quy định tại khoản 1 Điều 13 BLDS 2005 "Quyền, nghĩa vụ dân sự được xác lập từ các căn cứ sau đây: "1. *Giao dịch dân sự hợp pháp"*. Theo quy định tại khoản 1 Điều 432 BLDS 2005 *"Thời hạn thực hiện hợp đồng mua bán do các bên thoả thuận. Bên bán phải giao tài sản cho bên mua đúng thời hạn đã thoả thuận; bên bán chỉ được giao tài sản trước hoặc sau thời hạn nếu được bên mua đồng ý"*. Tại Điều 474 của Bộ luật dân sự 2005 quy định: *"1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thoả thuận khác..."* anh T đã vi phạm về việc chậm thực hiện nghĩa vụ dân sự đối với hợp đồng mua bán tài sản và vay tài sản nên theo quy định tại khoản 1 Điều 286 BLDS năm 2005 *"1. Chậm thực hiện nghĩa vụ dân sự là nghĩa vụ vẫn chưa được thực hiện hoặc chỉ được thực hiện một phần khi thời hạn*

thực hiện nghĩa vụ đã hết". Vì vậy, HĐXX cần chấp nhận yêu cầu của ông T, bà T buộc anh T, chị H trả số tiền nợ gốc 71.660.000đ và 450 kg cà phê do vi phạm hợp đồng mua bán tài sản và vay tài sản.

[3] Về lãi suất quá trình giải quyết vụ án ông T yêu cầu tiền lãi nhưng tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyênxin rút đối với tiền lãi nên thoe quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 HĐXX đình chỉ đối với yêu cầu về lãi suất.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của ông T được chấp nhận nên cần buộc anh T, chị H phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Hoàn trả cho ông T, bà T số tiền 2.571.500đ đã nộp tạm ứng án phí theo biên lại số 0003906 ngày 19/10/2016 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Song.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên :

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92; Điều 143; Điều 147; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 688 của BLDS 2015; khoản 1 Điều 13; khoản 1 Điều 286; Điều 428; khoản 1 Điều 432; Điều 438, khoản 1 Điều 474 của BLDS năm 2005; Pháp lệnh án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T. Buộc anh Nguyễn Đức T, chị Phu Thị H phải trả cho ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Lệ T 71.660.000đ (Bảy mươi mốt triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn đồng) tiền nợ gốc và 450kg cà phê nhân xô do vi phạm nghĩa vụ trong hợp đồng mua bán tài sản và vay tài sản.

2. Áp dụng khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự: Đình chỉ đối với yêu cầu về tiền lãi suất của nguyên đơn.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí DSST: Buộc anh Nguyễn Đức T và chị Phu Thị H phải chịu 4.524.000đ (Bốn triệu năm trăm hai mươi bốn nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Lệ T số tiền 2.571.500đ (Hai triệu năm trăm bảy mươi mốt nghìn năm trăm đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lại số 0003906 ngày 19/10/2016 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đắk Song.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan

có quyền kháng cáo bản trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án."

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- STP tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Song;
- Chi cục THA huyện Đắk Song;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Xuân Triệu